|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ĐA/UBND |  *Thừa Thiên Huế, ngày tháng 3 năm 2020* |

*(DỰ THẢO)*

**ĐỀ ÁN**

**Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm**

**đốivới người hoạt độngkhông chuyên trách; mức khoán kinh phí**

**hoạt độngcủa các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố**

**trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

Thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

UBND tỉnh xây dựng Đề án Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt độngcủa các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cụ thể như sau:

**Phần I**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

- Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;

- Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

- Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội các xã đặc biệt khó khăn;

- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV;

- Thông tư số 13/2019/TT-BNV, ngày 6/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã trên địa bàn tỉnh;

**II. Sự cần thiết xây dựng đề án**

Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là cấp xã và thôn) là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính trị ở cơ sở, tham mưu giúp cho cán bộ, công chức cấp xã trong hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở; là lực lượng dự nguồn để bổ sung, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Trong những năm qua, tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tạo sự chuyển biến rõ nét về cơ cấu, số lượng, chất lượng, từng bước nắm bắt và đảm đương tốt công việc. Ngày 12/12/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, đã khuyến khích đội ngũ người hoạt động không chuyên trách yên tâm công tác, tham gia tích cực các hoạt động, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Tuy nhiên, hiện nay các chức danh không chuyên trách vẫn còn bố trí dàn trải, trùng lắp nhiệm vụ, số lượng người hoạt động không chuyên trách quá đông lớn nhưng chưa đảm bảo về chất lượng, một bộ phận còn hạn chế về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, hoạt động không hiệu quả.Mức phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thấp, chưa khuyến khích để những người hoạt động không chuyên trách yên tâm công tác và có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngày 24/4/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố; trong đó có nhiều quy định mới.

Nhằm mục tiêu tinh giản, gọn nhẹ bộ máy tại cơ sở, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở; việc xây dựng Đề án*“Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt độngcủa các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh”*là cần thiết và phù hợp với các quy định mới chủ Chính phủ.

**Phần II**

**THỰC TRẠNG CHỨC DANH,SỐ LƯỢNG, MỨC PHỤ CẤP,**

**MỨC KHOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC**

**CHÍNH TRỊ - XÃ HỘITHEO NGHỊ QUYẾT SỐ 15/2014/NQ-HĐND**

**I. CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG, MỨC PHỤ CẤP**

**1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:**Gồm 22 chức danh, hệ số phụ cấp theo 04 nhóm (0,7; 0,8; 1,0 và 1,5) như sau:

- Phó Trưởng công an: Hệ số phụ cấp 1,5

- Chỉ huy phó BCH quân sự: Hệ số phụ cấp 1,5

- Phụ trách Văn phòng cấp ủy: Hệ số phụ cấp 1,5

- Phụ trách Kiểm tra Đảng: Hệ số phụ cấp 1,0

- Phụ trách Tuyên giáo: Hệ số phụ cấp 1,0

- Phụ trách Tổ chức Đảng: Hệ số phụ cấp 1,0

- Phụ trách Dân vận: Hệ số phụ cấp 1,0

- Chủ tịch Hội Người cao tuổi: Hệ số phụ cấp 1,0

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: Hệ số phụ cấp 1,0

- Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ: Hệ số phụ cấp 1,0

- Phó Chủ tịch Hội LHPN: Hệ số phụ cấp 0,8

- Phó Chủ tịch Hội Nông dân: Hệ số phụ cấp 0,8

- Phó Chủ tịch Hội CCB: Hệ số phụ cấp 0,8

- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên: Hệ số phụ cấp 0,8

- Phụ trách Nhà VH-Đài TT: Hệ số phụ cấp 1,0

- Văn thư - Lưu trữ: Hệ số phụ cấp 1,0

- Trung đội trưởng cơ động: Hệ số phụ cấp 0,8

- Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 1,0

- Phó Trưởng ban BV dân phố: Hệ số phụ cấp 0,7

- Thủ quỹ: Hệ số phụ cấp 0,7

- Bảo vệ: Hệ số phụ cấp 0,7

- Tạp vụ: Hệ số phụ cấp 0,7

**2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:**

Nghị quyết 15/2014/NQ-HĐND quy định: Đơn vị hành chính cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 20 người;loại 2 được bố trí tối đa không quá 19 người;loại 3 được bố trí tối đa không quá 18 người (Mỗi đơn vị thấp hơn 01 người so với Nghị định 29/2013/NĐ-CP).

Hiện trạng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh có 2.790 người (trong đó có 1.866 người hoạt động chính nhiệm và 924 người kiêm nhiệm). Bình quân 19,2 người/xã

Về trình độ chuyên môn: Chưa qua đào tạo: 35%; Trung cấp: 18,7%; Cao đẳng: 7,9%; Đại học trở lên: 38,3%

*(Phụ lục 1, phụ lục 2)*

**3. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:** Gồm 10 chức danh với hệ số phụ cấp theo 4 nhóm (0,3; 0,4; 0,5 và 1,0):

- Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố: Hệ số phụ cấp 1,0

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Hệ số phụ cấp 1,0

- Trưởng ban công tác Mặt trận: Hệ số phụ cấp 0,5

- Công an viên thôn: Hệ số phụ cấp 1,0

- Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng: Hệ số phụ cấp 0,5

- Tổ trưởng bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,5

- Tổ phó bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,4

- Tổ viên bảo vệ dân phố: Hệ số phụ cấp 0,3

- Nhân viên y tế thôn, bản (xã khó khăn): Hệ số phụ cấp 0,5

- Nhân viên y tế thôn, bản (xã còn lại): Hệ số phụ cấp 0,3

**4. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:**

Hiện trạng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh có 6.950 người(trong đó có 6.135 người hoạt động chính nhiệm,815 người kiêm nhiệm). Bình quân 6,2 người/thôn, tổ.

Về trình độ chuyên môn: Chưa qua đào tạo: 75,93%; Trung cấp: 8,26%; Cao đẳng: 3,68%; Đại học trở lên: 12,13%

*(Phụ lục 3, phụ lục 4)*

**5. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:**

**-**Cán bộ, công chức cấp xã được giao kiêm nhiệm chức danh ngườihoạt động không chuyên trách được hưởng thêm 35% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

- Người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác được hưởng thêm 70% phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

**6. Hổ trợ chuyên môn:**

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ Đại học trở lên được hưởng thêm hệ số 0,3/tháng.

**II. KINH PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP**

**1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:**

- Chi phụ cấp 01 tháng: 4 tỷ 095 triệu đồng.

- Chi phụ cấp 01 năm: 49 tỷ 141 triệu đồng.

- Hổ trợ Bảo hiểm xã hội (14%): 6 tỷ 880 triệu đồng

- Hổ trợ Bảo hiểm y tế (3%): 1 tỷ 474 triệu đồng.

Kinh phí chi 01 năm: 57 tỷ 495 triệu đồng.

**2. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:**

- Chi phụ cấp 01 tháng: 7 tỷ 027 triệu đồng.

- Chi phụ cấp 01 năm: 84 tỷ 329 triệu đồng.

- Hổ trợ Bảo hiểm y tế (3%): 2 tỷ 530 triệu đồng.

Kinh phí chi 01 năm: 86 tỷ 859 triệu đồng.

 *(Phụ lục 5).*

Tổng kinh phí chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh trong 01 năm là 144 tỷ 355 triệu đồng.

**III. MỨC KHOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

**1. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:**

- Vùng miền núi, xã bãi ngang: 67 xã (mức khoán 13,5 triệu đồng/tổ chức/năm). Kinh phí hoạt động khoán cho 05 tổ chức trong 01 năm là 4 tỷ 523 triệu

- Vùng đồng bằng, thành phố:78 xã, phường, thị trấn(mức khoán 11,5 triệu đồng/tổ chức/năm). Kinh phí hoạt động khoán cho 05 tổ chứctrong 01 năm là4 tỷ 485 triệu

**2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố:**

- Các thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn:233 thôn (mức khoán 1,5 triệu đồng/tổ chức/năm). Kinh phí hoạt động khoán cho 05 tổ chức trong 01 năm là1 tỷ 748 triệu

- Các thôn, tổ dân phố còn lại: 891 thôn (01 triệu đồng/tổ chức/năm). Kinh phí hoạt động khoán cho 05 tổ chức trong 01 năm là 4 tỷ 455 triệu

Tổng kinh phí hoạt động khoán cho 05 tổ chức tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trong 01 năm là15 tỷ 210 triệu.

*(Phụ lục 6).*

**Phần III**

**NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

1.Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệmđối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người tham gia công việc trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

2. Tinh gọn bộ máy, giảm số lượng và tăng phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách, ổn định đội ngũ để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của người hoạt động không chuyên trách, tạo nguồn kế cận cho lực lượng cán bộ, công chức cấp xã.

**II. CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH**

**A. Ở cấp xã:**

**1. Các chức danhtiếp tục thực hiện theo các văn bản chuyên ngành:**

- Phó Trưởng công an xã: Thực hiện theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã và Đề án Công an xã chính quy.

-Phó Chỉ huy BCH quân sự cấp xã; Trung đội trưởng cơ động:Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 03/2016/NĐ-CP, ngày 05/10/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

- Trưởng ban Bảo vệ dân phố; Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Thực hiện theo quy định định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố.

**2. Các chức danh không quy định là người hoạt động không chuyên trách:**

- Phụ trách Kiểm tra đảng; phụ trách Tổ chức; phụ trách Dân vận; phụ trách Tuyên giáo: Sẽ do cán bộ, công chức, là thành viên của Ban Thường vụ cấp ủy đảm nhiệm.

# - Bảo vệ; Tạp vụ: Tùy vào điều kiện của các xã, phường, thị trấn, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của các đơn vị để chi trả theo chế độ hợp đồng.

**3. Các chức danh có thay đổi, bổ sung:**

- Thay đổi chức danh Phụ trách Nhà văn hóa - Đài truyền thanh thành chức danh Phụ trách Văn hóa thông tin.

- Gộp chức danh Văn thư - Lưu trữ và chức danh Thủ quỹ thành 01 chức danh Văn thư,lưu trữ,thủ quỹ.

- Bổ sung chức danh Bảo vệ trẻ em theo Thông báo số 324/TB-VPCP ngày 29/8/2018 của Văn phòng Chính phủ về thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em;trong đó ghi rõ: *Chủ tịch UBND cấp xã phải bố trí ngay người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong số các công chức cấp xã hoặc những người hoạt động không chuyên trách thuộc quyền quản lý.*

**4. Chức danh không chuyên trách ở cấp xã:** Gồm 11 chức danh thống nhất như sau:

1. Văn phòng Đảng ủy;

2. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

3. Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

4. Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQViệt Nam;

5. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

6. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;

7. Phó Chủ tịch Hội Nông dân;

8. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM;

9. Phụ trách Văn hóa thông tin;

10. Bảo vệ trẻ em.

11. Văn thư,lưu trữ, thủ quỹ;

**5.Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:**

Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn:Loại 1 tối đa 14 người; loại 2 tối đa 12 người; loại 3 tối đa 10 người.Để khuyến khích kiêm nhiệm các chức danh, giảm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nhằm tăng phụ cấp và giảm nguồn chi ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đề nghị quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

- Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 12 người;

- Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa 11 người;

- Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa 10 người.

Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, khuyến khích bố trí kiêm nhiệm một số chức danh. Đồng thời một số chức danh như Văn phòng Đảng ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam, Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ có thể bố trí 02 người nhưng phải đảm bảo tổng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không vượt quá quy định.

**B. Ở thôn, tổ dân phố**

**1. Các chức danh tiếp tục thực hiện theo các văn bản chuyên ngành:**

- Công an viên thôn: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã;

- Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

- Tổ trưởng bảo vệ dân phố; Tổ phó bảo vệ dân phố; Tổ viên bảo vệ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

- Nhân viên y tế thôn, bản: Thực hiện theo quy định tạiQuyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

**2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:** Có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh:

- Bí thư Chi bộ thôn (tổ dân phố);

- Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố;

- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

**III. MỨC PHỤ CẤP**

**1. Mức phụ cấp chức danh không chuyên trách ở cấp xã:**

Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng:Loại 1 bằng 16,0 lần mức lương cơ sở;loại 2 bằng 13,7 lần mức lương cơ sở;loại 3 bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.Như vậy, quỹ phụ cấp khoán bình quân mỗi xã là 15,10lần mức lương cơ sở, bao gồm:Chi phụ cấp 12,90; hổ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế 2,19.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân loại xã** | **Số lượng ĐVHC** | **Quỹ phụ cấp khoán****theo loại xã** | **Tổng quỹ phụ cấp khoán toàn tỉnh** | **Quỹ phụ cấp khoán****bình quân mỗi xã** |
| **Tổng số** | **Phụ cấp**  | **BHXH, YT 17%** |  | **Tổng số** | **Phụ cấp**  | **BHXH, YT 17%** |
| Xã loại 1 | 97 | 16 | 13,68 | 2,32 | 1.552,00 |   |   |   |
| Xã loại 2 | 39 | 13,7 | 11,71 | 1,99 | 534,30 |   |   |   |
| Xã loại 3 | 9 | 11,4 | 9,74 | 1,66 | 102,60 |   |   |   |
| Tổng số  | 145 | 41,10 | 35,13 |  5,97  | 2.188,90 | 15,10 | 12,90 | 2,19 |

Tổng quỹ phụ cấp khoán 01 năm là **39 tỷ 138** triệu đồng (Phụ lục 7)

Căn cứ mức khoán quỹ phụ cấp bình quân mỗi xã và số lượng 11 chức danh, UBND tỉnh quy định mức phụ cấp thống nhất của mỗi chức danh với hệ số **1,15** mức lương cơ sở.

Với số lượng, chức danh và mức phụ cấp như trên, dự toán kinh phí tối đa để chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã 01 năm là **39 tỷ 089 triệu** đồng.

**2. Mức phụ cấp chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:**

Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố. Riêng đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 lần mức lương cơ sở.

Tổng quỹ phụ cấp khoán 01 năm là **75 tỷ 597** triệu đồng (Phụ lục 7)

Căn cứ mức khoán quỹ phụ cấp, UBND quy định mức phụ cấp của từng chức danh như sau:

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, thôn thuộc xã biên giới:

- Bí thư Chi bộ: Hệ số 1,75

- Trưởng thôn: Hệ số 1,75

- Trưởng Ban công tác Mặt trận: Hệ số 1,50

b) Thôn còn lại và tổ dân phố:

- Bí thư Chi bộ: Hệ số 1,10

- Trưởng thôn (hoặc Tổ trưởng): Hệ số 1,10

- Trưởng Ban công tác Mặt trận: Hệ số 0,80

Với số lượng, chức danh và mức phụ cấp như trên, dự toán kinh phí tối đa để chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố 01 năm là **75 tỷ 597** triệu đồng.

**3. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:**

- Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố.Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Người được quyết định kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng **70%** mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

- Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

**4. Chi hổ trợ chuyên môn:**

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phốcó trình độ Đại học trở lên được hưởng thêm hệ số **0,3** hàng tháng.

**IV. MỨC BỒI DƯỠNG NGƯỜI TRỤC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

**1. Phó Trưởng thôn (Tổ phó tổ dân phố):** Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố quy định: Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết thì có 01 Phó Trưởng thôn, 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

UBND tỉnh quy định chỉ bố trí Phó trưởng thôn đối với các thôn từ 250 hộ gia đình trở lên (hoặc thôn thuộc xã biên giới từ 100 hộ gia đình trở lên); bố trí Phó Tổ trưởng đối với các tổ dân phố có từ 350 hộ gia đình trở lên.

Mức bồi dưỡng hàng tháng đối với Phó Trưởng thôn (hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố) với hệ số **0,5** mức lương cơ sở.

**2.Đối với Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn thanh niên ở thôn, tổ dân phố:** Căn cứ điều kiện của từng địa phương, UBND cấp huyện quy định mức bồi dưỡng từ đoàn phí, hội phí, kinh phí hoạt động khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

**V. MỨC KHOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

UBND trình HĐND tỉnh quy định mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã tăng 40% so với mức khoán năm 2014, tương ứng với tăng mức lương cơ sở từ 1,15 triệu lên 1,6 triệu. Ở thôn, tổ dân phố tăng 100% để hổ trợ một phần chi bồi dưỡng người trwuc tiếp tham gia công việc, cụ thể:

**1. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:**

-Xã miền núi, bãi ngang: Mức khoán 19 triệu đồng/tổ chức/năm.

Kinh phí khoán: 67 xã X 19 triệu X 05 tổ chức = **6 tỷ 365** triệu đồng

- Xã đồng bằng, thành phố: Mức khoán 16 triệu đồng/tổ chức/năm.

Kinh phí khoán: 78 xã X 16 triệu X 05 tổ chức = **6 tỷ 240** triệu đồng

**2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố:**

-Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệtkhó khăn: Mức khoán03 triệu đồng/tổ chức/năm.

Kinh phí khoán: 233 thôn X 03 triệu X 05 tổ chức = **3 tỷ 495** triệu đồng

- Thôn, tổ dân phố còn lại: Mức khoán 02 triệu đồng/tổ chức/năm.

Kinh phí khoán: 891 thôn X 02 triệu X 05 tổ chức = **8 tỷ 910** triệu

Tổng kinh phí hoạt động khoán cho 05 tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố 01 năm là**25 tỷ 010** triệu

*(Phụ lục số 9).*

**VI. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Dự toán kinh phí:

- Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 39 tỷ 089 triệu

- Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ: 75 tỷ 597 triệu

- Hổ trợ chuyên môn Đại học: 5 tỷ 954 triệu

- Bồi dưỡng Phó trưởng thôn (Phó Tổ tổ trưởng dân phố): 4 tỷ 649 triệu

- Kinh phí hoạt động 05 tổ chức CT-XH ở cấp xã: 12 tỷ 605 triệu

- Kinh phí hoạt động 05 tổ chức CT-XH ở thôn, tổ dân phố: 12 tỷ 405 triệu

- Chi phụ cấp theo các quy định chuyên ngành: 49 tỷ 336 triệu

Tổng hợp dự toán kinh phí trong 01 năm: **199 tỷ 634** triệu đồng

3. Thời gian thực hiện: Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

*(Phụ lục 11)*

**Phần IV**

 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sau khi Đề án này được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh phân công cụ thể trách nhiệm của các ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố như sau:

**1. Sở Nội vụ**

Hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình thực hiện việc sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; cùng với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kịp thời chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Sở Tài chính**

Tham mưu bố trí và phân bổ kinh phí; hướng dẫn việc chi trả phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phốđảm bảo đúng chế độ, chính sách quy định; định kỳ tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

**3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan**

Hàng năm, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo lĩnh vực chuyên ngành của đơn vị mình; trực tiếp chỉ đạo, tham mưu giải quyết các vấn đề có liên quan nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

**4. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo việc bố trí, sắp xếp đội ngũ, chi trả phụ cấp kịp thời; đảm bảo tiến độ thực hiện việc sắp xếp, bố trí tinh gọn bộ máy những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn xác định rõ vị trí việc làm; bố trí, phân công công tác để các nhiệm vụ ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phốđều có người thực hiện;khuyến khích kiêm nhiệm đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chếđộ phụ cấp đã được quy định; quan tâm xây dựng,lựa chọn, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố.

- Giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách dôi dư theo đúng quy định. Chậm nhất đến ngày 31/12/2020, số lượng người hoạt động không chuyên trách đảm bảo theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiệnĐề án; nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TT Tỉnh ủy;- TT. HĐND tỉnh;- UBMTTQVN tỉnh;- CT và các PCT UBND tỉnh;- Các Ban của HĐND tỉnh;- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVNcấp huyện;- CVP, các PCVP và CV;- Lưu: VT, KNNV.  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |